

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BUÔN ĐÔN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 05/2021/DSST.

Ngày 01/03/2021.

V/v: *Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Xuân Sơn.

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Mai Thu và bà Võ Thị Liên.

*Thư ký phiên tòa :* Ông Đinh Ngọc Lương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 03 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 115/2020/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST- DS ngày 04/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QDDST- DS ngày 21/01/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 08/02/2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phan Thị T – sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2/ Bị đơn: Ông Trương Hải H - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt lần hai không lý do.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đào Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:* Do có quen biết nên ngày 21/11/2019 bà có cho ông Trương Hải H vay số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 01%/tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, đến ngày 07/7/2020 ông H trả được số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng) ngoài ra chưa trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Hải H và bà Đào Thị H là vợ ông H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng) và tiền lãi trong hạn, quá hạn 1%/tháng kể từ ngày vay 21/11/2019 đến ngày xét xử lấy tròn là 16 tháng 15 ngày (từ ngày vay 21/01/2021 đến ngày 01/03/2021). Cụ thể: 105.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng 15 ngày = 17.325.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi: 122.325.000đ (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

*Tại phiên tòa bị đơn ông Trương Hải H vắng mặt, nhưng trong bản tự khai, biên*

*bản hòa giải trong quá trình giải quyết ông H trình bày:* Ông chỉ vay của bà Phan Thị T số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), mục đích vay để vợ chồng ông đáo hạn Ngân hàng. Việc vay mượn tiền thì chỉ có ông đứng ra ký nhận vay, còn vợ ông là bà H có biết nhưng không đi cùng xuống nhà bà T vay. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả, giấy vay này hiện bị thất lạc nên không có để cung cấp cho Tòa án để chứng minh ông vay số tiền 50.000.000 đồng.

Đến ngày 07/7/2020 ông có trả được cho bà T 10.000.000 đồng tiền gốc, ngoài ra tiền lãi thì vợ ông đi trả nhưng không biết là trả được bao nhiêu.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu trả 115.000.000 đồng thì ông không đồng ý vì ông chỉ vay của bà T số tiền 50.000.000 đồng, ông đã trả được 10.000.000 đồng, nay ông chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 40.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên tôi xin trả dần, về tiền lãi ông đề nghị bà T không tính nữa. Theo ông giấy vay tiền ghi 115.000.000 đồng thì đây là tổng các khoản lật vặt như số nợ của vợ ông (bà H) vay, tiền lãi, tiền 40.000.000 đồng cộng lại mới thành số tiền 115.000.000 đồng, đối với giấy vay tiền đề ngày 21/11/2019 đúng là chữ ký của ông.

Quá trình Tòa án giải quyết bà Đào Thị H (vợ ông H) vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn, đến ngày 22/01/2021 bà H mới về, ngày 27/01/2021 bà H nhận được tin bà T khởi kiện và bà đến tại Tòa án, tại biên bản lấy lời khai ngày 27/01/2021 bà H trình bày:

Vào ngày 21/11/2019 vợ chồng bà có vay của bà Phan Thị T 50.000.000 đồng, sau đó khoảng 15 ngày sau bà có đến vay thêm 25.000.000 đồng. Tổng cộng là 75.000.000 đồng, vay về để trả nợ chung cho gia đình, sau khi vay thì mới trả lãi được khoảng 03 đợt nhưng không nhớ cụ thể số tiền vì khi trả đều do bà T ghi. Còn nợ gốc hiện nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa hôm nay bà có ý kiến như sau: Khoản tiền bà T khởi kiện 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi bà chấp nhận cùng chồng trả cho bà T, ngoài ra bà không có ý kiến gì.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 186 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị T và buộc vợ chồng ông Trương Hải H, bà Đào Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T tổng số tiền còn nợ bà T là 122.325.000đ (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng), nợ lãi là 17.325.000đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Về án phí: Vợ chồng ông Trương Hải H, bà Đào Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa ông Trương Hải H vắng mặt, tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, xét việc vắng mặt của ông H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 21/11/2019 ông Trương Hải H có vay của bà Phan Thị T số tiền 115.000.000đ (một trăm mười lăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 01%/tháng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, đến ngày 07/7/2020 ông H trả được số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn lại 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng) nợ gốc và nợ lãi chưa trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Trương Hải H và bà Đào Thị H trả số nợ gốc và nợ lãi trong hạn, quá hạn 1%/tháng kể từ ngày vay 21/11/2019 đến ngày xét xử lấy tròn là 16 tháng 15 ngày (từ ngày 21/01/2021 đến ngày 01/03/2021). Cụ thể: 105.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng 15 ngày = 17.325.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi: 122.325.000đ (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

[3] Hội đồng xét xử xét thấy tại giấy vay tiền đề ngày 21/11/2019 bà Hương cung cấp thể hiện ông Trương Hải H còn nợ bà T 115.000.000 đồng, ngày 07/7/2020 ông H trả được 10.000.000 đồng, còn lại 105.000.000 đồng, ông H thừa nhận giấy vay này đúng là chữ ký của ông, việc vợ chồng ông cho rằng không vay bà T số tiền 115.000.000 đồng nhưng lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét giấy vay tiền đề ngày 21/11/2019 do các bên xác lập là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 401 và 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Vợ chồng có nghĩa vụ chung sau đây: “*nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị T để buộc vợ chồng ông Trương Hải H và bà Đào Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị T số nợ gốc là 105.000.000đ và nợ lãi tính từ ngày 21/01/2021 đến ngày 01/03/2021 mức lãi 1%/tháng, cụ thể 105.000.000 đồng x 1%/tháng x 16 tháng 15 ngày = 17.325.000 đồng là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 186 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ –

UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị T.

1/ Buộc vợ chồng ông Trương Hải Hưng, bà Đào Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị T tổng số tiền còn nợ là 122.325.000đ (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc 105.000.000đ (một trăm lẻ năm triệu đồng), nợ lãi là 17.325.000đ (mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Vợ chồng ông Trương Hải H, bà Đào Thị H phải chịu 6.116.250đ (sáu triệu một trăm mười sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, Trả lại cho bà Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.914.000đ (hai triệu chín trăm mười bốn nghìn đồng) theo biên lai số 0010682 ngày 03/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**+ Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Lưu HS - VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**

(đã ký)

**Bùi Xuân Sơn**

